

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NGƯỜI HỌC
VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN
VÀ HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CỦA KỸ THUẬT VIÊN
NĂM HỌC 2017 – 2018**

Công tác khảo sát ý kiến sinh viên về hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động phục vụ giảng dạy của kỹ thuật viên năm học 2017- 2018 được thực hiện theo kế hoạch số 1575/KH-ĐHYDCT ngày 28/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

1. Mục đích thực hiện

1.1 Đối với Nhà trường

- Góp phần thực hiện Quy chế dân chủ trong Nhà trường, tăng cường tính công khai, minh bạch trong tổ chức, quản lý và đào tạo;

- Tạo thêm một kênh thông tin giúp Hiệu trưởng, các cấp quản lý và lãnh đạo các đơn vị trong Trường có cơ sở để nhận xét, đánh giá và có kế hoạch bồi dưỡng giảng viên, kỹ thuật viên;

- Góp phần nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên, kỹ thuật viên trong việc thực hiện mục tiêu đào tạo của trường, xây dựng đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp và trình độ chuyên môn cao, phong cách giảng dạy tiên tiến, hiện đại;

- Góp phần phòng ngừa tiêu cực trong hoạt động giảng dạy; phát hiện và nhân rộng những điển hình trong đội ngũ giảng viên, kỹ thuật viên.

1.2. Đối với giảng viên, kỹ thuật viên

- Tạo thêm một kênh thông tin để giúp giảng viên, kỹ thuật viên tự điều chỉnh hoạt động giảng dạy, phát huy năng lực chuyên môn và tác phong sư phạm;

- Nâng cao tinh thần trách nhiệm của giảng viên, kỹ thuật viên trong việc thực hiện nhiệm vụ giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.

- Là một kênh thông tin để Nhà trường xét đánh giá phân loại cán bộ viên chức, thi đua khen thưởng.

1.3. Đối với người học

- Tăng cường tinh thần trách nhiệm của người học với quyền lợi và nghĩa vụ trong học tập và rèn luyện của bản thân;

- Tạo điều kiện để người học được phản ánh tâm tư, nguyện vọng và được thể hiện chính kiến của mình về hoạt động giảng dạy của giảng viên, kỹ thuật viên.

2. Tổ chức khảo sát

2.1 Đối tượng khảo sát

100% sinh viên đại học được khảo sát (67,347 lượt sinh viên), chưa khảo sát học viên sau đại học

2.2 Nội dung và công cụ khảo sát

- Các mẫu phiếu khảo sát được xây dựng trên cơ sở tham khảo quy định về tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục tại Thông tư 12/2017/BGDĐT và tiêu chuẩn chất lượng chương trình đào tạo tại Thông tư 04/2016/BGDĐT, công văn số 2754/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 20/5/2010 và công văn số 7324/BGDĐT-NGCBQLGD ngày 08/10/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên; quyết định số 509/QĐ-ĐHYDCT ngày 08/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Cần Thơ về việc ban hành Quy định lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động phục vụ giảng dạy của kỹ thuật viên.

- Nhà Trường sử dụng bốn mẫu phiếu đánh giá (phụ lục):

+ Mẫu: M1-LT dùng để trưng cầu ý kiến của người học đối với giảng viên về giảng dạy học phân lý thuyết

+ Mẫu: M2-TH, dùng để trưng cầu ý kiến của người học đối với giảng viên về dạy học phần thực hành (bao gồm thực hành cơ sở, thực địa....)

+ Mẫu: M2-LS, dùng để trưng cầu ý kiến của người học đối với giảng viên về dạy học phần lâm sàng

+ Mẫu: M3-KTV, dùng để trưng cầu ý kiến của người học đối với kỹ thuật viên về công tác phục vụ dạy- học phần

- Nội dung đánh giá: mỗi phiếu đánh giá có 5 tiêu chí, bao gồm các nội dung chính sau:

+ Tiêu chí 1: *Chuẩn bị giảng dạy*: đánh giá các thông tin mà giảng viên khi giảng dạy cần thông tin cho người học

+ Tiêu chí 2: *Phương pháp giảng dạy*

+ Tiêu chí 3: *Nội dung giảng dạy của giảng viên*

+ Tiêu chí 4: *Thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên*

+ Tiêu chí 5: *Tác phong sư phạm*

Tùy theo môn học lý thuyết hay thực hành hay lâm sàng mà mỗi tiêu chí có các nội dung cụ thể khác nhau, mỗi nội dung được đánh giá ở 4 mức độ: 1- Chưa tốt 2 – Bình thường 3 – Tốt 4 – Rất tốt

Ngoài ra còn một số câu hỏi mở khác để người học đóng góp thêm các ý kiến cho giảng viên, kỹ thuật viên và Nhà trường.

2.3 Phương pháp, hình thức khảo sát, thời gian khảo sát

- Quy trình thực hiện được đảm bảo đúng theo nguyên tắc khảo sát, và các bước trong kế hoạch.

- Bộ câu hỏi được tích hợp vào hệ thống quản lý đào tạo và khảo sát trực tuyến trong hai đợt: 18/12/2017 – 16/02/2018 và 14/5/2018 đến ngày 31/7/2018.

- Số liệu khảo sát được xuất ra từ hệ thống quản lý đào tạo qua phần mềm văn phòng xử lý số liệu, được tổng hợp, phân tích, thống kê mô tả.

3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

3.1 Đặc điểm mẫu khảo sát

Khảo sát được ý kiến của 67,347 lượt sinh viên (tỉ lệ 100%) (bảng 1);

Bảng 1. Thống kê số lượt sinh viên tham gia khảo sát

	Lý thuyết	Thực hành (thí nghiệm)	Lâm sàng	KTV	Tổng
HK1	34,281	9,332	3,337	13,184	60,134
HK2	4,072	2,019	1,122	975	7,213
Tổng	38,353	11,351	4,459	14,159	67,347

Khảo sát được ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của cho 256 giảng viên (297 lượt giảng viên) chiếm 69,38% và hoạt động phục vụ giảng dạy của 22 kỹ thuật viên chiếm 44% của 54/57 đơn vị/bộ môn chiếm 94,74% (bảng 2, 3). Đây là năm đầu tiên triển khai khảo sát tập trung, online nhưng việc khảo sát chưa đảm bảo 100% giảng viên và kỹ thuật viên như kế hoạch đã đặt ra; do các đơn vị không gửi danh sách GV và KTV theo đối tượng giảng dạy cho đơn vị thực hiện khảo sát. Đặc biệt là khoa Y, số GV được khảo

sát chỉ chiếm 46,73% tổng số GV, số KTV được khảo sát là 0, và có 03 bộ môn không thực hiện khảo sát

Bảng 2. Thống kê số lượng giảng viên được sinh viên cho phản hồi

TT	Khoa	Quy mô	Giảng viên			Bộ môn	
			Số lượng khảo sát	Tỷ lệ	Số lượt khảo sát	SL	Tỷ lệ
1	Y	214	91	46,73	121	24/27	88,89
2	RHM	24	19	79,17	20	6/6	100
3	YTCC	19	15	78,95	15	5/5	100
4	ĐD-KTYH	30	28	93,33	28	5/5	100
5	Dược	35	35	100	37	5/5	100
6	KHCB	38	37	97,37	3	8/8	100
7	HLKN	9	36	100	39	1/1	100
	Tổng	369	256	69,38	297	54/57	94,74

Bảng 3. Thống kê số lượng kỹ thuật viên được sinh viên cho phản hồi

TT	Khoa	Số Kỹ thuật viên	
		SL	Tỷ lệ
1	Y	0	0
2	RHM	3	
3	YTCC	0	0
4	ĐD-KTYH	2	
5	Dược	11	
6	KHCB	3	
7	HLKN	3	100
	Tổng	22	

3.2 Tổng hợp kết quả ý kiến phản hồi theo khoa

Nhìn chung, hoạt động giảng dạy lý thuyết, thực hành lâm sàng, thực hành cơ sở và hoạt động phục vụ giảng dạy được sinh viên đánh giá khá tốt, tuy nhiên tất cả chỉ đạt xấp xỉ ở tỷ lệ sắp- vừa qua mức tốt (bảng 4)

Bảng 4. Kết quả đánh giá chung

Đối tượng	Học kỳ I	Học kỳ II	Tổng
Giảng viên			
Lý thuyết	80,59	81,03	80,81
Thực hành cơ sở	79,69	79,26	79,48
Thực hành lâm sàng	80,78	79,42	80,1
Kỹ thuật viên	78,4	78,86	78,63

Kết quả ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên đối với từng khoa thể hiện ở bảng 5.

Bảng 5. Kết quả đánh giá tổng hợp hoạt động giảng dạy của giảng viên

TT	Khoa	Số lượt	Tỷ lệ trung bình	≥ 90 điểm		80-89 điểm		70-79 điểm		<70 điểm	
				SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1	Y	121	79,56	4	3,3	56	46,28	57	47,11	4	3,3
2	RHM	20	78,42			8	40	12	60		
3	YTCC	15	77,91			4	26,67	11	73,33		
4	ĐD-KTYH	28	81,33			16	57,14	11	39,29	1	3,57
5	Dược	37	82,03	2	5,41	23	62,16	12	32,43		
6	KHCB	37	83,89	3	8,11	24	64,86	10	27,03		
7	HLKN	39	78,48			15	38,46	22	56,41	2	5,13
	Tổng	297	80,23	9	3,03	146	49,16	135	45,45	7	2,36

Toàn trường, có 155/297 giảng viên được đánh giá trên 80 điểm, chiếm 52,19 % (chưa thể so với năm học trước do không có khảo sát).

Các đơn vị có số lượng giảng viên có tỷ lệ trung bình điểm các tiêu chí đạt trên 80 là khoa Khoa học cơ bản, khoa Dược và khoa Điều dưỡng- kỹ thuật Y học.

Mặc dù cũng có các đơn vị có giảng viên được đánh giá hoạt động giảng dạy là “rất tốt” như khoa Khoa học cơ bản, khoa Dược và khoa Y, nhưng rất ít (3,03%) và điểm trung bình của giảng viên được đánh giá là 80,23 – vừa qua mức tốt, thì vẫn có các đơn vị có giảng viên được đánh giá hoạt động giảng dạy là “trung bình” (dưới 70 điểm) thuộc khoa Khoa Điều dưỡng- kỹ thuật Y học, khoa Y và Huấn luyện kỹ năng (GV mời giảng). Đây là một trong những vấn đề cần phải rút kinh nghiệm và cải tiến về công tác đảm bảo chất lượng giảng dạy.

Bảng 6. Kết quả đánh giá tổng hợp hoạt động phục vụ giảng dạy của kỹ thuật viên

TT	Khoa	Số lượt	Điểm trung bình	≥ 90 điểm		80-89 điểm		70-79 điểm		<70 điểm	
				SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ	SL	Tỷ lệ
1	Y	0									
2	RHM	3	74,43					3	100		
3	YTCC	0									
4	ĐD-KTYH	2	81,71								
5	Dược	11	78,67			7	63,64	4	36,36		
6	KHCB	3	85,06			3	100				
7	HLKN	3	73,3					3	100		
	Tổng	22	78,63			10	45,45	12	54,55		

Nhìn chung, khoảng 1/2 kỹ thuật viên được sinh viên đánh giá tốt ở tất cả các tiêu chí, tiêu chuẩn. Cụ thể, có 10/22 kỹ thuật viên được đánh giá trên 80 điểm, chiếm 45,45 % (chưa thể so với năm học trước do không có khảo sát). Các đơn vị có số lượng kỹ thuật viên có tỷ lệ trung bình điểm các tiêu chí đạt trên 80 là khoa Khoa học cơ bản và khoa Điều dưỡng- kỹ thuật Y học. Điểm trung bình của kỹ thuật viên được đánh giá là 78,63 (mức khá), các đơn vị rút kinh nghiệm và cải tiến về công tác đảm bảo chất lượng trong công tác phục vụ giảng dạy (bảng 6)

3.3 Tổng hợp kết quả theo từng tiêu chí

Nhìn chung, tất cả các nội dung đánh giá đa số đạt mức khá. Tuy nhiên có 03 nội dung đánh giá hoạt động phục vụ dạy-học của kỹ thuật viên có tỉ lệ đánh giá “trung bình và chưa tốt” khá cao là:

- Bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cho người học trước mỗi bài thực hành/thí nghiệm
- Bao quát được người học trong suốt thời gian thực hành/thí nghiệm
- Điều chỉnh thao tác, kỹ thuật theo hướng dẫn của giảng viên: chuẩn, chính xác
- Có ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng nghề nghiệp đạt được sau các bước thực hành (thí nghiệm)

2.3.1 Lý thuyết

Stt	Câu hỏi	Mức độ	Học kỳ I		Học kỳ II	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Mục tiêu học tập chung của môn học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học (đánh giá chung bộ môn)	Tốt- Rất tốt	12415/34281	36.2	1442/4072	35.4
		Khá	18190/34281	53.1	2271/4072	55.8
		Trung bình	3488/34281	10.2	337/4072	8.3
		Chưa tốt	196/34281	0.6	22/4072	0.5
2	Mục tiêu của bài giảng	Tốt- Rất tốt	12000/34281	35	1412/4072	34.7
		Khá	18548/34281	54.1	2299/4072	56.5
		Trung bình	3546/34281	10.3	344/4072	8.4
		Chưa tốt	198/34281	0.6	17/4072	0.4
3	Giáo trình: bố cục, hình thức	Tốt- Rất tốt	11535/34281	33.6	1347/4072	33.1
		Khá	17998/34281	52.5	2266/4072	55.6
		Trung bình	4404/34281	12.8	427/4072	10.5
		Chưa tốt	353/34281	1	32/4072	0.8
4	Dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động tạo hứng thú học tập cho người học	Tốt- Rất tốt	12267/34281	35.8	1395/4072	34.3
		Khá	16854/34281	49.2	2131/4072	52.3
		Trung bình	4818/34281	14.1	522/4072	12.8
		Chưa tốt	349/34281	1	24/4072	0.6
5	Dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	Tốt- Rất tốt	11629/34281	33.9	1312/4072	32.2
		Khá	17694/34281	51.6	2241/4072	55
		Trung bình	4698/34281	13.7	493/4072	12.1
		Chưa tốt	268/34281	0.8	26/4072	0.6
6	Có hướng dẫn người học tự học trên lớp và tự học ngoài lớp cụ thể, rõ ràng, hiệu quả	Tốt- Rất tốt	11199/34281	32.7	1282/4072	31.5
		Khá	17640/34281	51.5	2233/4072	54.8
		Trung bình	5047/34281	14.7	528/4072	13
		Chưa tốt	406/34281	1.2	29/4072	0.7
7	Giải đáp thắc mắc	Tốt- Rất tốt	12321/34281	35.9	1440/4072	35.4

	của sinh viên một cách thỏa đáng	Khá	17600/34281	51.3	2208/4072	54.2
Trung bình		4130/34281	12	397/4072	9.7	
Chưa tốt		237/34281	0.7	27/4072	0.7	
8	Sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học: Powerpoint, tranh ảnh, băng đĩa, Overhead, Slide,...	Tốt- Rất tốt	12437/34281	36.3	1461/4072	35.9
		Khá	17797/34281	51.9	2197/4072	54
		Trung bình	3880/34281	11.3	396/4072	9.7
		Chưa tốt	178/34281	0.5	18/4072	0.4
9	Bám sát mục tiêu học tập môn học, phần, chương, bài	Tốt- Rất tốt	12105/34281	35.3	1397/4072	34.3
		Khá	18176/34281	53	2273/4072	55.8
		Trung bình	3807/34281	11.1	375/4072	9.2
		Chưa tốt	205/34281	0.6	27/4072	0.7
10	Khoa học, rõ ràng, chính xác	Tốt- Rất tốt	11818/34281	34.5	1356/4072	33.3
		Khá	18153/34281	53	2291/4072	56.3
		Trung bình	4125/34281	12	407/4072	10
		Chưa tốt	195/34281	0.6	18/4072	0.4
11	Kiến thức môn học có tính cập nhật, hiện đại	Tốt- Rất tốt	12112/34281	35.3	1468/4072	36.1
		Khá	17814/34281	52	2208/4072	54.2
		Trung bình	4100/34281	12	374/4072	9.2
		Chưa tốt	266/34281	0.8	22/4072	0.5
12	Chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn	Tốt- Rất tốt	12078/34281	35.2	1372/4072	33.7
		Khá	17718/34281	51.7	2267/4072	55.7
		Trung bình	4233/34281	12.3	412/4072	10.1
		Chưa tốt	267/34281	0.8	21/4072	0.5
13	Đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định	Tốt- Rất tốt	12564/34281	36.7	1485/4072	36.5
		Khá	17466/34281	50.9	2193/4072	53.9
		Trung bình	3935/34281	11.5	361/4072	8.9
		Chưa tốt	326/34281	1	33/4072	0.8
14	Thực hiện giảng dạy theo đúng	Tốt- Rất tốt	12365/34281	36.1	1481/4072	36.4
		Khá	17650/34281	51.5	2175/4072	53.4

	thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch	Trung bình	3957/34281	11.5	391/4072	9.6
		Chưa tốt	314/34281	0.9	25/4072	0.6
15	Nói nghe rõ, viết nhìn rõ	Tốt- Rất tốt	12511/34281	36.5	1494/4072	36.7
		Khá	17601/34281	51.3	2187/4072	53.7
		Trung bình	3919/34281	11.4	373/4072	9.2
		Chưa tốt	257/34281	0.7	18/4072	0.4
16	Đề thi phù hợp với nội dung giảng dạy, tổng hợp các phần khác nhau trong môn học và khuyến khích tính sáng tạo	Tốt- Rất tốt	11023/34281	32.2	1289/4072	31.7
		Khá	18127/34281	52.9	2263/4072	55.6
		Trung bình	4737/34281	13.8	480/4072	11.8
		Chưa tốt	401/34281	1.2	40/4072	1
17	Nhiệt tình và trách nhiệm trong giảng dạy	Tốt- Rất tốt	13588/34281	39.6	1612/4072	39.6
		Khá	17121/34281	49.9	2127/4072	52.2
		Trung bình	3402/34281	9.9	316/4072	7.8
		Chưa tốt	183/34281	0.5	17/4072	0.4
18	Tổ chức lớp học một cách khoa học, nắm được sinh viên vắng mặt trong buổi học	Tốt- Rất tốt	11878/34281	34.6	1354/4072	33.3
		Khá	17983/34281	52.5	2260/4072	55.5
		Trung bình	4215/34281	12.3	443/4072	10.9
		Chưa tốt	212/34281	0.6	15/4072	0.4
19	Tôn trọng và khuyến khích ý kiến phát biểu của sinh viên trong giờ học	Tốt- Rất tốt	12594/34281	36.7	1447/4072	35.5
		Khá	17832/34281	52	2252/4072	55.3
		Trung bình	3686/34281	10.8	364/4072	8.9
		Chưa tốt	175/34281	0.5	9/4072	0.2
20	Có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự	Tốt- Rất tốt	13390/34281	39.1	1616/4072	39.7
		Tốt	17404/34281	50.8	2118/4072	52
		Bình thường	3344/34281	9.8	325/4072	8

	hợp tác tốt giữa Giảng viên - Sinh viên	Chưa tốt	149/34281	0.4	13/4072	0.3
21	Quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả kiến thức, kỹ năng và thái độ	Tốt- Rất tốt	12653/34281	36.9	1477/4072	36.3
		Khá	17606/34281	51.4	2201/4072	54.1
		Trung bình	3839/34281	11.2	380/4072	9.3
		Chưa tốt	190/34281	0.6	14/4072	0.3

2.3.2 Thực hành cơ sở

Stt	Câu hỏi	Mức độ	Học kỳ I		Học kỳ II	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Tài liệu hướng dẫn thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	3068/9332	32.9	632/2019	31.3
		Khá	4938/9332	52.9	1126/2019	55.8
		Trung bình	1266/9332	13.6	250/2019	12.4
		Chưa tốt	61/9332	0.7	11/2019	0.5
2	Mục tiêu học tập chung của môn học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học	Tốt- Rất tốt	2984/9332	32	591/2019	29.3
		Khá	5052/9332	54.1	1161/2019	57.5
		Trung bình	1233/9332	13.2	249/2019	12.3
		Chưa tốt	63/9332	0.7	18/2019	0.9
3	Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cho thực hành, thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	3111/9332	33.3	619/2019	30.7
		Khá	4918/9332	52.7	1151/2019	57
		Trung bình	1244/9332	13.3	240/2019	11.9
		Chưa tốt	61/9332	0.7	9/2019	0.4
4	Mục tiêu kỹ năng của từng bài thực hành/thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	3043/9332	32.6	627/2019	31.1
		Khá	5022/9332	53.8	1139/2019	56.4
		Trung bình	1214/9332	13	246/2019	12.2
		Chưa tốt	55/9332	0.6	7/2019	0.3
5	Dễ hiểu, trực quan. Có minh họa bằng tranh ảnh, băng, đĩa	Tốt- Rất tốt	3125/9332	33.5	632/2019	31.3
		Khá	4724/9332	50.6	1080/2019	53.5
		Trung bình	1410/9332	15.1	289/2019	14.3
		Chưa tốt	75/9332	0.8	18/2019	0.9
6	Thao tác mẫu chuẩn,	Tốt- Rất tốt	3047/9332	32.7	638/2019	31.6

	chính xác	Khá	5006/9332	53.6	1105/2019	54.7
		Trung bình	1230/9332	13.2	266/2019	13.2
		Chưa tốt	50/9332	0.5	10/2019	0.5
7	Có ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng đạt được sau các bước thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	2935/9332	31.5	616/2019	30.5
		Khá	4991/9332	53.5	1113/2019	55.1
		Trung bình	1344/9332	14.4	274/2019	13.6
		Chưa tốt	64/9332	0.7	16/2019	0.8
8	Khuyến khích người học rèn luyện để đạt được kỹ năng nghề nghiệp khác trong thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	3013/9332	32.3	621/2019	30.8
		Khá	4873/9332	52.2	1104/2019	54.7
		Trung bình	1392/9332	14.9	282/2019	14
		Chưa tốt	55/9332	0.6	12/2019	0.6
9	Bám sát mục tiêu môn học, bài thực hành, thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	3158/9332	33.8	648/2019	32.1
		Khá	4917/9332	52.7	1115/2019	55.2
		Trung bình	1205/9332	12.9	245/2019	12.1
		Chưa tốt	52/9332	0.6	11/2019	0.5
10	Rõ ràng, chính xác	Tốt- Rất tốt	3189/9332	34.2	660/2019	32.7
		Khá	4882/9332	52.3	1084/2019	53.7
		Trung bình	1208/9332	12.9	259/2019	12.8
		Chưa tốt	55/9332	0.6	16/2019	0.8
11	Chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn	Tốt- Rất tốt	3095/9332	33.2	627/2019	31.1
		Khá	4853/9332	52	1092/2019	54.1
		Trung bình	1306/9332	14	292/2019	14.5
		Chưa tốt	79/9332	0.8	8/2019	0.4
12	Đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định	Tốt- Rất tốt	3256/9332	34.9	635/2019	31.5
		Khá	4786/9332	51.3	1111/2019	55
		Trung bình	1215/9332	13	259/2019	12.8
		Chưa tốt	75/9332	0.8	14/2019	0.7
13	Thực hiện giảng dạy theo đúng thời khóa	Tốt- Rất tốt	3213/9332	34.4	651/2019	32.2
		Khá	4811/9332	51.6	1104/2019	54.7

	biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch	Trung bình	1229/9332	13.2	249/2019	12.3
		Chưa tốt	81/9332	0.9	15/2019	0.7
14	Nói nghe rõ, viết nhìn rõ	Tốt- Rất tốt	3221/9332	34.5	628/2019	31.1
		Khá	4852/9332	52	1081/2019	53.5
		Trung bình	1207/9332	12.9	297/2019	14.7
		Chưa tốt	53/9332	0.6	13/2019	0.6
15	Luôn có mặt để hướng dẫn người học trong giờ thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	3008/9332	32.2	603/2019	29.9
		Khá	4898/9332	52.5	1120/2019	55.5
		Trung bình	1345/9332	14.4	277/2019	13.7
		Chưa tốt	83/9332	0.9	19/2019	0.9
16	Nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học	Tốt- Rất tốt	3412/9332	36.6	658/2019	32.6
		Khá	4755/9332	51	1088/2019	53.9
		Trung bình	1123/9332	12	267/2019	13.2
		Chưa tốt	44/9332	0.5	6/2019	0.3
17	Bao quát được người học trong suốt thời gian thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	2926/9332	31.4	599/2019	29.7
		Khá	4938/9332	52.9	1126/2019	55.8
		Trung bình	1400/9332	15	279/2019	13.8
		Chưa tốt	70/9332	0.8	15/2019	0.7
18	Có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự hợp tác tốt giữa giảng viên - sinh viên	Tốt- Rất tốt	3454/9332	37	659/2019	32.6
		Khá	4719/9332	50.6	1122/2019	55.6
		Trung bình	1098/9332	11.8	227/2019	11.2
		Chưa tốt	62/9332	0.7	11/2019	0.5
19	Quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và kiến thức	Tốt- Rất tốt	3184/9332	34.1	665/2019	32.9
		Khá	4868/9332	52.2	1097/2019	54.3
		Trung bình	1225/9332	13.1	241/2019	11.9
		Chưa tốt	57/9332	0.6	16/2019	0.8

2.3.3 Thực hành lâm sàng

Stt	Câu hỏi	Mức độ	Học kỳ I		Học kỳ II	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ

1	Tài liệu thực hành chung của môn học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học (đánh giá chung bộ môn)	Tốt- Rất tốt	1152/3337	34.5	364/1122	32.4
		Khá	1858/3337	55.7	633/1122	56.4
		Trung bình	309/3337	9.3	120/1122	10.7
		Chưa tốt	20/3337	0.6	5/1122	0.4
2	Lịch giảng được thông báo chậm nhất 1 tuần (thứ 6 tuần trước)	Tốt- Rất tốt	1103/3337	33.1	335/1122	29.9
		Khá	1858/3337	55.7	652/1122	58.1
		Trung bình	351/3337	10.5	131/1122	11.7
		Chưa tốt	25/3337	0.7	4/1122	0.4
3	Lịch giảng kèm theo case bệnh	Tốt- Rất tốt	1096/3337	32.8	328/1122	29.2
		Khá	1839/3337	55.1	641/1122	57.1
		Trung bình	377/3337	11.3	149/1122	13.3
		Chưa tốt	25/3337	0.7	4/1122	0.4
4	Cách bố trí giờ thực hành và mục tiêu bài học có phù hợp với tình hình thực tiễn tại nơi thực hành	Tốt- Rất tốt	1106/3337	33.1	345/1122	30.7
		Khá	1855/3337	55.6	637/1122	56.8
		Trung bình	348/3337	10.4	134/1122	11.9
		Chưa tốt	28/3337	0.8	6/1122	0.5
5	Dễ hiểu, trực quan. Có minh họa bằng hình ảnh, băng , đĩa,...	Tốt- Rất tốt	1131/3337	33.9	337/1122	30
		Khá	1778/3337	53.3	627/1122	55.9
		Trung bình	403/3337	12.1	152/1122	13.5
		Chưa tốt	26/3337	0.8	6/1122	0.5
6	Thao tác mẫu chuẩn, chính xác	Tốt- Rất tốt	1126/3337	33.7	341/1122	30.4
		Khá	1866/3337	55.9	635/1122	56.6
		Trung bình	334/3337	10	143/1122	12.7
		Chưa tốt	13/3337	0.4	3/1122	0.3
7	Có nhận ý kiến phản hồi từ người học về kỹ năng thực hành tại bệnh viện	Tốt- Rất tốt	1072/3337	32.1	334/1122	29.8
		Khá	1899/3337	56.9	642/1122	57.2
		Trung bình	345/3337	10.3	142/1122	12.7
		Chưa tốt	21/3337	0.6	4/1122	0.4
8	Bám sát mục tiêu môn học, bài thực hành	Tốt- Rất tốt	1152/3337	34.5	340/1122	30.3
		Khá	1822/3337	54.6	647/1122	57.7

		Trung bình	351/3337	10.5	129/1122	11.5
		Chưa tốt	13/3337	0.4	6/1122	0.5
9	Rõ ràng, chính xác	Tốt- Rất tốt	1218/3337	36.5	365/1122	32.5
		Khá	1818/3337	54.5	623/1122	55.5
		Trung bình	295/3337	8.8	131/1122	11.7
		Chưa tốt	7/3337	0.2	3/1122	0.3
10	Chỉ ra được các ứng dụng thực tiễn	Tốt- Rất tốt	1166/3337	34.9	328/1122	29.2
		Khá	1828/3337	54.8	650/1122	57.9
		Trung bình	326/3337	9.8	139/1122	12.4
		Chưa tốt	18/3337	0.5	5/1122	0.4
11	Đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định	Tốt- Rất tốt	1157/3337	34.7	355/1122	31.6
		Khá	1784/3337	53.5	622/1122	55.4
		Trung bình	366/3337	11	137/1122	12.2
		Chưa tốt	31/3337	0.9	8/1122	0.7
12	Thực hiện giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch	Tốt- Rất tốt	1141/3337	34.2	346/1122	30.8
		Khá	1818/3337	54.5	633/1122	56.4
		Trung bình	346/3337	10.4	133/1122	11.9
		Chưa tốt	32/3337	1	10/1122	0.9
13	Nói nghe rõ, viết nhìn rõ	Tốt- Rất tốt	1201/3337	36	362/1122	32.3
		Khá	1805/3337	54.1	617/1122	55
		Trung bình	319/3337	9.6	133/1122	11.9
		Chưa tốt	14/3337	0.4	10/1122	0.9
14	Luôn có mặt để hướng dẫn người học trong giờ thực hành	Tốt- Rất tốt	1114/3337	33.4	333/1122	29.7
		Khá	1805/3337	54.1	636/1122	56.7
		Trung bình	383/3337	11.5	149/1122	13.3
		Chưa tốt	36/3337	1.1	4/1122	0.4
15	Nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học	Tốt- Rất tốt	1213/3337	36.4	348/1122	31
		Khá	1808/3337	54.2	636/1122	56.7
		Trung bình	306/3337	9.2	131/1122	11.7
		Chưa tốt	11/3337	0.3	7/1122	0.6
16	Có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự	Tốt- Rất tốt	1234/3337	37	363/1122	32.4
		Khá	1798/3337	53.9	633/1122	56.4

	hợp tác tốt giữa Giảng viên - sinh viên	Trung bình	296/3337	8.9	119/1122	10.6
		Chưa tốt	10/3337	0.3	7/1122	0.6
17	Quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và kiến thức	Tốt- Rất tốt	1164/3337	34.9	352/1122	31.4
		Khá	1819/3337	54.5	633/1122	56.4
		Trung bình	340/3337	10.2	130/1122	11.6
		Chưa tốt	14/3337	0.4	7/1122	0.6

2.3.4 Kỹ thuật viên

Stt	Câu hỏi	Mức độ	Học kỳ I		Học kỳ II	
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Giới thiệu hướng dẫn sử dụng phòng thực hành/thí nghiệm, trang thiết bị rõ ràng, dễ hiểu	Tốt- Rất tốt	4269/13184	32.4	379/954	39.7
		Khá	7169/13184	54.4	502/954	52.6
		Trung bình	1694/13184	12.8	68/954	7.1
		Chưa tốt	58/13184	0.4	5/954	0.5
2	Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ cho thực hành, thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	4156/13184	31.5	371/954	38.9
		Khá	7359/13184	55.8	511/954	53.6
		Trung bình	1600/13184	12.1	70/954	7.3
		Chưa tốt	71/13184	0.5	3/954	0.3
3	Chuẩn bị đầy đủ vật tư tiêu hao cho thực hành, thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	4155/13184	31.5	372/954	39
		Khá	7314/13184	55.5	516/954	54.1
		Trung bình	1655/13184	12.6	63/954	6.6
		Chưa tốt	63/13184	0.5	3/954	0.3
4	Bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cho người học trước mỗi bài thực hành/thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	1179/13184	8.9	91/954	9.5
		Khá	3275/13184	24.8	183/954	19.2
		Trung bình	6296/13184	47.8	456/954	47.8
		Chưa tốt	2441/13184	18.5	225/954	23.6
5	Bao quát được người học trong suốt thời gian thực hành/thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	1051/13184	8	74/954	7.8
		Khá	2984/13184	22.6	170/954	17.8
		Trung bình	6683/13184	50.7	492/954	51.6
		Chưa tốt	2473/13184	18.8	218/954	22.9
6	Điều chỉnh thao tác,	Tốt- Rất tốt	948/13184	7.2	69/954	7.2

	kỹ thuật theo hướng dẫn của giảng viên: chuẩn, chính xác	Khá	2633/13184	20	166/954	17.4
		Trung bình	6897/13184	52.3	483/954	50.6
		Chưa tốt	2712/13184	20.6	236/954	24.7
7	Có ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng nghề nghiệp đạt được sau các bước thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	943/13184	7.2	66/954	6.9
		Khá	2702/13184	20.5	163/954	17.1
		Trung bình	6937/13184	52.6	489/954	51.3
		Chưa tốt	2607/13184	19.8	236/954	24.7
8	Điều chỉnh thao tác người học rèn luyện để đạt được kỹ năng nghề nghiệp khác thực hành (thí nghiệm)	Tốt- Rất tốt	3518/13184	26.7	296/954	31
		Khá	7508/13184	56.9	534/954	56
		Trung bình	2029/13184	15.4	119/954	12.5
		Chưa tốt	130/13184	1	5/954	0.5
9	Luôn có mặt để hướng dẫn người học trong giờ thực hành/thí nghiệm	Tốt- Rất tốt	3945/13184	29.9	331/954	34.7
		Khá	7266/13184	55.1	519/954	54.4
		Trung bình	1899/13184	14.4	98/954	10.3
		Chưa tốt	78/13184	0.6	6/954	0.6
10	Thực hiện lịch phục vụ giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch	Tốt- Rất tốt	4172/13184	31.6	346/954	36.3
		Khá	7256/13184	55	537/954	56.3
		Trung bình	1678/13184	12.7	69/954	7.2
		Chưa tốt	79/13184	0.6	2/954	0.2
11	Nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học	Tốt- Rất tốt	4200/13184	31.9	348/954	36.5
		Khá	7259/13184	55.1	522/954	54.7
		Trung bình	1662/13184	12.6	84/954	8.8
		Chưa tốt	67/13184	0.5	1/954	0.1
12	Có thái độ thân thiện, tôn trọng người học, có sự hợp tác tốt	Tốt- Rất tốt	4433/13184	33.6	373/954	39.1
		Khá	7307/13184	55.4	514/954	53.9
		Trung bình	1400/13184	10.6	65/954	6.8
		Chưa tốt	48/13184	0.4	3/954	0.3

3.4. Các ý kiến góp ý nhằm nâng cao chất lượng dạy-học

Có 147 ý kiến

3.4.1 Ý kiến cho Nhà trường:

- Có nhiều ý kiến ghi nhận là không nhớ giảng viên “Em không thể đánh giá chính xác vì không thể nhớ ra mặt của cán bộ cần đánh giá. Đề nghị lần sau có hình ảnh và đôi lời giới thiệu về cán bộ cần đánh giá”, hoặc không có học giảng viên này “Không thể đánh giá do chưa từng biết đến thầy này, mong rằng Trường không nên ép buộc sinh viên làm những việc mơ hồ như thế này nữa ạ”

-“Về bộ câu hỏi khảo sát, em mong là sẽ có bộ câu hỏi khác, sát hơn để đánh giá giảng viên giảng dạy lâm sàng vì lâm sàng không đơn thuần chỉ là thực hành mà nó nhằm cung cấp từ kiến thức, thái độ và kỹ năng của người học”

-Một số phòng học nóng (HLKN), màn hình mờ (hội trường YTCC, HT ĐD-KTYH)

3.4.2 Ý kiến đóng góp cho giảng viên

Khoa Y (57 ý kiến): đa số nhận định Thầy cô nhiệt tình, dạy hay. Một số ý kiến:

- Bộ môn Giải phẫu: “Giáo trình giải phẫu trường mình em thấy còn nhiều chỗ sai”. “Sau khi kết thúc bài nên có phần Tổng kết bài và nên hỏi sinh Viên có những thắc mắc và ý kiến về kiến thức”. “Đề thi cần bám sát chương trình học, đề thi còn nhiều câu sai đề”

- BM Giải phẫu bệnh: “Đề nghị công bố đáp án đề thi và thang điểm chính xác để sinh viên có thể biết được thật sự mình sai ở chỗ nào và tính điểm như thế nào”. “Giáo trình biên soạn đọc khó hiểu”. “Việc tự học nên cho những bài liên quan đến thực tế lâm sàng để sinh viên có hứng thú, cộng trừ điểm rõ ràng trong bài tự học”.

- Bộ môn Sinh lý: “Cách dạy thông qua cho sinh viên thuyết trình của thầy rất hay, giúp sinh viên có thể tự tìm hiểu kiến thức, nhưng đó cũng là hạn chế. Vì thầy quá mất thời gian trong việc để sinh viên trình bày phần của mình nên thời gian giảng của thầy ít lại. Vẫn sẽ có nhiều kiến thức các bạn cũng đã nói qua nhưng chắc chắn một sinh viên không thể nào có đủ kiến thức như giảng viên để biết những phần nào là trọng tâm và cách giảng để người khác hiểu cũng sẽ hạn chế. Hi vọng thầy có thể vẫn áp dụng phương pháp học này như một cách để sinh viên tự học, nhưng sẽ dành nhiều thời gian trên lớp hơn để giảng cho sinh viên. Phần các bạn tự học có thể dùng để thầy đánh giá xem các bạn đã hiểu được đến đâu và còn thiếu phần nào để giảng dạy. Mặc khác, các tiêu chí đánh giá của thầy cũng nên xem xét thay đổi để phù hợp với khối lượng bài học mà thầy

giao cho sinh viên, làm đúng tiêu chí sẽ có chút gây khó khăn về nội dung, sự đánh giá từ thầy và ngược lại”

- BM Vi sinh: “Em không đồng ý với việc người dạy và người cho đề khác nhau, tại em không biết mình sẽ thi thế nào, lúc thi và học khác nhau chúng em rất khó khăn, giáo trình thì sai nhiều quá”. “Giáo viên giảng dạy và giáo viên cho đề thi thực hành có cách hướng dẫn khác nhau, dẫn đến khi thi sinh viên làm bài trả lời không như mong muốn. Vì số lượng sinh viên đông nên quá trình học còn nhiều rắc rối”

- BM Huyết học: “Giáo trình bố cục chưa khoa học, chữ nhỏ, một số bài đọc khó hiểu như bài Sự phát triển của các dòng tế bào máu...”

- Bộ môn Nội: “Cần có giảng viên dạy lâm sàng mỗi ngày. Trong thời gian em đi thực tập lâm sàng, có khoa dạy có khoa không dạy”. “Số lượng sinh viên quá đông, sự đánh giá lâm sàng còn phụ thuộc rất nhiều vào cảm tính của giảng viên, đôi khi các giảng viên trong cùng bộ môn không có chuẩn thống nhất chung về hướng dẫn sinh viên, gây hoang mang cho sinh viên”. “Trong những ngày trực ở bệnh viện có một số khoa phòng sinh viên trực đêm không có chỗ nghỉ ngơi”. “nên bỏ việc ký tên khi đi trực bệnh viện vì việc học là lợi ích của mỗi người nếu muốn học thì sẽ tự tìm cách, còn những bạn không chịu tự học thì việc đi trực có ký tên như ép buộc, các bạn cũng không học được gì.

Em nghĩ nếu bỏ qua việc ký tên khi đi trực không chừng số lượng sinh viên đi thêm bệnh viện sẽ đông hơn khi không có sự ép buộc. nếu đi trực là trách nhiệm của sinh viên, không cần việc ký tên, nếu sinh viên bỏ về, bác sĩ trực tìm không thấy thì sinh viên vẫn bị cấm thi, lúc này việc ký sổ hay không không còn ý nghĩa nữa.”. “Mong nhà trường tối giảm sức ép học và thi lý thuyết xuống thấp một chút, có thể bù lại bằng nâng cao áp lực cho lâm sàng, lý thuyết thật sự rất kém cần thiết so với lâm sàng”. “Nhiều khoa chưa có phòng học, thiếu bàn, máy quạt, chỗ ngủ cho sv đi trực. Không có nhà vệ sinh”. “Trường nên chú trọng đến việc tăng thời gian thực hành bệnh viện. Giảm bớt các môn không cần thiết!”. “có một số khoa lâm sàng giảng viên chưa nhiệt tình cho lắm. cần giảng viên cần nhiệt tình hơn trong hướng dẫn lâm sàng. cần có giảng viên dạy mỗi nhóm sẽ hiệu quả hơn là cứ dồn các khóa lại giảng chung”. “Sinh viên đi lâm sàng chủ yếu là tự học, tự mò, tự khám, tự bơi; kiến thức tự mò mẫm ít có cơ hội được kiểm chứng bởi giảng viên”. “Cần có hình thức điểm danh chuyên nghiệp hơn tại bệnh viện. Vì cách điểm danh đột xuất một nhóm trên 20 bạn, lúc điểm danh đột xuất tại e phải đi tìm từng bạn, mỗi bạn theo các bác sĩ bệnh phòng khác nhau thời gian khám bệnh khác nhau, địa điểm làm hồ sơ khác nhau, điểm danh như vậy không nên”. “Cô không có hướng dẫn lâm sàng tại em gì

nhiều cả. Cô không đi giảng bệnh phòng, bình bệnh án theo lịch thì 1 tuần bình 2 lần nhưng cô báo bận, dễ đổi buổi sau nhưng rồi không dạy luôn. Tụi em cảm thấy đi lâm sàng nội ở ĐK Thành Phố rất thiệt thòi so với Đa Khoa Trung Ương”, “Tự học kĩ năng thăm trên lâm sàng chưa có nhiều hiệu quả do không có người hướng dẫn là khám đúng hay sai, tạo tâm lý chán nản và không biết chẩn đoán sau khi khám. Cận lâm sàng chưa được giảng dạy, chủ yếu phải tự học và nhờ các anh chị khóa trên”. “Có sự đối xử không công bằng giữa sinh viên hệ liên thông và chính quy ở một số cán bộ”.

- Bộ môn Sản: “Năm 2017 - 2018 có sự đổi mới là được học lý thuyết trước khi đi lâm sàng, nhưng chỉ được có 1 học kỳ, nhưng qua học kỳ 2 thì vẫn vậy khiến cho việc học lâm sàng hơi bị chậm hơn so với học kỳ 1”. “Lý thuyết và lâm sàng khác nhau cũng không sao vì lâm sàng rất đa dạng, nhưng kiến thức giữa các giảng viên với giảng viên (giảng viên với bác sĩ) mà khác nhau nữa thì chúng em biết phải học như thế nào, dùng kiến thức giảng dạy của người này để vấn đáp với người khác thì bị la tan nát, hỏi ai dạy em như vậy???”. “Phòng học thực tập chưa đảm bảo chỗ ngồi và nóng quá”

- BM Ung bướu: “Nên chia nhóm thực hành nhỏ ra sẽ dễ học hơn ạ”. “Thực hành Ung thư đại cương chưa mang lại nhiều hiệu quả”

- BM Y học gia đình: “Sau buổi thực hành (cuối giờ) đề nghị gọi bất kỳ một số sinh viên để trả lời câu hỏi và đánh giá mức độ tiếp thu của sinh viên”

Khoa Điều dưỡng – Kỹ thuật Y học (03 ý kiến), trong đó “Lịch thi các môn gần quá sinh viên không kịp học bài. Mong ban giám hiệu thay đổi dùm!” (BM Điều dưỡng đa khoa hệ ngoại)

Khoa Dược (09 ý kiến) đa số khen các giảng viên nữ giảng dạy hay, nhiệt tình. Tuy nhiên có một số ý kiến:

- BM dược liệu-dược cổ truyền “Phần thi thực hành của bộ môn dược liệu các trạm nên có vai trò như nhau, không nên có trạm mang tính điều kiện”

- BM dược lý-dược lâm sàng: “Bộ môn dược lâm sàng xem lại về cách hướng dẫn sinh viên tìm ra đáp án của những ca lâm sàng trong giờ thực hành, trả lời sao mới đúng để sinh viên có kiến thức thêm. Em mong một số thầy cô giải đáp án đúng từng câu hỏi trong ca lâm sàng để tụi em biết được cái nào là đúng cái nào là sai để tụi em biết tụi em sửa”

Khoa Răng Hàm mặt (4 ý kiến): Đa số khen giảng viên dạy hay, tận tình.

Khoa Y tế công cộng (7 ý kiến) “Cần cập nhật, sửa đổi bố cục giáo trình rõ ràng và dễ hiểu hơn (cụ thể là môn Chính sách dân số, đọc rất khó giữa các ý với nhau vì cách thức và bố cục trình bày”. “Câu hỏi lượng giá trong giáo trình thầy chưa sửa theo chương trình mới.”. “Cô đi dạy trễ 45 phút vì cho con ăn”

Khoa Khoa học cơ bản (10 ý kiến) chủ yếu là khen ngợi Thầy Cô

Đơn vị Huấn luyện kỹ năng (7 ý kiến) Đa số khen giảng viên dạy hay, tận tình. Tuy nhiên có một số ý kiến như sau:

- Video của đơn vị quá cũ. Hình ảnh không rõ nét!
- Phòng học thực tập chưa đảm bảo chỗ ngồi và nóng quá

2.4.3 Ý kiến đóng góp cho kỹ thuật viên:

Có 59 sinh viên có góp ý, đa số hài lòng hoặc rất đồng ý về sự nhiệt tình, vui vẻ của các Thầy/cô kỹ thuật viên, có 10 ý kiến đề cập về không có học học phần này nhưng vẫn khảo sát hoặc không biết thầy cô là ai - *“việc khảo sát này hoàn toàn không có ý nghĩa, chỉ mang nặng tính hình thức, sinh viên thậm chí còn không biết giáo viên là ai”*

4. Chỉ đạo sử dụng kết quả khảo sát

4.1 Rút kinh nghiệm về quy trình khảo sát

- Bộ công cụ khảo sát: cần rà soát tính trùng lặp nội dung của các khảo sát khác, Việc phân chia mức độ của phần mềm chưa phù hợp

- Nhập liệu:

+ Phân định danh chưa rõ ràng, danh sách chọn đối tượng khảo sát còn chung chung, chưa đảm bảo chính xác nhóm SV giảng dạy, nên sinh viên khảo sát quá nhiều nhưng giá trị chưa cao vì không nhớ, không biết đối tượng được khảo sát là ai

+ Do chưa lập ma trận số lượng nên lượng sinh viên chọn thực hiện khảo sát khá nhiều, nhưng không chính xác, gây quá tải cho sinh viên

+ Chưa xuất kết quả và phân tích tích theo từng tiêu chí

- Đối với các kết quả khảo sát: các khoa, phòng, trung tâm tổ chức họp rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch cải tiến cá nhân và tập thể theo từng tiêu chí đánh giá.

4.2 Sử dụng kết quả khảo sát

Phòng Đảm bảo chất lượng gửi kết quả chi tiết của từng cán bộ về cho lãnh đạo các Khoa triển khai rút kinh nghiệm.

Căn cứ kết quả và các nội dung rút kinh nghiệm, các khoa, bộ môn tổ chức họp rút kinh nghiệm, xây dựng kế hoạch cải tiến sau 02 tuần công bố báo cáo. Phòng Đảm bảo chất lượng giám sát, tổng hợp công tác rút kinh nghiệm- cải tiến và báo cáo.

Các Khoa, phòng chức năng phản hồi các ý kiến đóng góp của người học trong các buổi đối thoại sinh viên.

Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng



Phạm Thị Mỹ Ngọc



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Trung Kiên

Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu;
- Các đơn vị trực thuộc trường;
- Lưu: HCTH.ĐBCL

Phụ lục 1: Bộ câu hỏi khảo sát



BỘ Y TẾ TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ

PHIẾU KHẢO SÁT NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN VÀ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY CỦA KỸ THUẬT VIÊN

Nhằm kịp thời cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ đào tạo, anh /chị vui lòng cho ý kiến đánh giá về các vấn đề sau đây. Thông tin phản hồi sẽ được bảo mật và chỉ được Trường sử dụng để đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo.

Nội dung đánh giá

5 mức độ với quy ước như sau:

0. Không hài lòng/Không đồng ý
1. Hài lòng ít/Đồng ý một phần nhỏ
2. Tạm chấp nhận/ Tạm đồng ý
3. Hài lòng/ Đồng ý
4. Hoàn toàn hài lòng/Hoàn toàn đồng ý

PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY LÝ THUYẾT CỦA GIẢNG VIÊN

1. Phân hướng dẫn của Bộ môn giúp người học chuẩn bị trước buổi học		Mức độ Hài lòng/đồng ý			
		0	1	2	3
1	Giáo trình: hình thức đẹp, bố cục rõ ràng, có mục tiêu cụ thể, nội dung phù hợp				
2	Tài liệu hướng dẫn Tự học rõ ràng, hữu ích				
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên về mục tiêu của bài học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học				
4	Trang thiết bị, phương tiện dạy học được chuẩn bị tốt trước khi sinh viên vào học				

2. Nội dung giảng dạy của giảng viên		Mức độ lòng/đồng ý			
		0	1	2	3
1	Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu học tập môn học, phần, chương, bài				
2	Nội dung giảng dạy được phân bố một cách khoa học, rõ ràng, chính xác				
3	Nội dung giảng dạy có tính cập nhật, hiện đại				
4	Thầy/Cô có nêu ra được các ứng dụng thực tiễn				

3. Phương pháp giảng dạy lý thuyết của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/ Cô giảng dạy dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, trực quan, tạo hứng thú học tập cho người học					
2	Thầy/ Cô sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học: Powerpoint, tranh ảnh, băng, đĩa, Slide...					
3	Thầy/ Cô giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự học, tự nghiên cứu của người học					
4	Thầy/Cô giải đáp thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng (trong và sau giờ học)					
5	Thầy/Cô có hướng dẫn người học tự học trên lớp và tự học ngoài lớp cụ thể, rõ ràng, hiệu quả					
6	Thầy/Cô hướng dẫn người học phương pháp học tập và làm việc theo nhóm					
7	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá nào trong suốt buổi học - Hỏi đáp -Giải quyết tình huống -Kiểm tra viết -Không kiểm tra -Khác					
8	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá Khác (nếu chọn khác thì ghi rõ nội dung) trong suốt buổi học					

4. Phương pháp sư phạm của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
----------------------------------------------	--	-------------------------------	--	--	--	--

		lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy Cô tổ chức lớp một cách khoa học					
2	Thầy/ cô nói nghe rõ, viết nhìn rõ					
3	Thầy/ cô sử dụng ngôn ngữ phù hợp					
4	Thầy/ cô nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học					
5	Thầy/ cô bao quát được người học trong suốt thời gian học					
6	Thầy/ cô Có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự hợp tác tốt giữa GV- SV					
7	Thầy/ cô Quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và kiến thức					
8	Thầy/ Cô có quan điểm cởi mở và tôn trọng ý kiến của sinh viên					
9	Thầy/ Cô luôn vui vẻ giải đáp thắc mắc của chúng tôi trong và sau giờ học					
10	Thầy/ Cô quan tâm đến giáo dục tư cách, đạo đức của sinh viên					
11	Giờ học vui nhộn, hứng thú					

5. Thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/ Cô quản lý hiệu quả sĩ số lớp học trong suốt buổi học					
2	Thầy/ Cô Thực hiện giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch					
3	Thầy/ Cô phân bố và sử dụng thời gian lên lớp một cách hợp lý và hiệu quả					
4	Thầy/ Cô giám sát đánh giá tốt các hoạt động học tập trên lớp của sinh viên					
5	Thầy/ Cô Đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định					
6	Thầy/cô có trang phục và hành vi phù hợp					

Ý kiến khác về hoạt động giảng dạy lý thuyết của giảng viên

03 Điều mà tôi hài lòng nhất về Thầy/cô này:

.....
.....

03 Điều mà tôi ít hài lòng nhất về Thầy/cô này:

.....
.....

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG
DẠY THỰC HÀNH THÍ NGHIỆM/ HUẤN LUYỆN KỸ NĂNG CỦA GIẢNG
VIÊN**

1. Phần hướng dẫn của Bộ môn giúp người học chuẩn bị trước buổi học		Mức độ hài lòng/đồng ý			
		0	1	2	3
1	Giáo trình: hình thức đẹp, bố cục rõ ràng, có mục tiêu cụ thể, nội dung phù hợp				
2	Tài liệu hướng dẫn Tự học rõ ràng, hữu ích				
3	Giảng viên có hướng dẫn sinh viên về mục tiêu của bài học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học				
4	Trang thiết bị, phương tiện dạy học được chuẩn bị tốt trước khi sinh viên vào học				

2. Nội dung giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu học tập môn học, phần, chương, bài					
2	Nội dung giảng dạy được phân bố một cách khoa học, rõ ràng, chính xác					
3	Nội dung giảng dạy có tính cập nhật, hiện đại					
4	Thầy/ cô có hướng dẫn và phân tích các yêu cầu cần đạt, các lỗi thường gặp trong từng bước thực hành					
5	Thầy Cô có nêu ra được các ứng dụng thực tiễn					
6	Nội dung giảng dạy bám sát mục tiêu học tập môn học, phần, chương, bài					

3. Phương pháp giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
------------------------------------------------	--	-------------------------------	--	--	--	--

		0	1	2	3
1	Thầy/ Cô giảng dạy dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, trực quan, tạo hứng thú học tập cho người học				
2	Thầy/Cô giảng dạy với thao tác mẫu chuẩn, chính xác				
3	Thầy/ Cô sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học: Powerpoint, tranh ảnh, băng, đĩa, Slide...				
4	Thầy/ Cô giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự học, tự nghiên cứu của người học				
5	Thầy/Cô giải đáp thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng (trong và sau giờ học)				
6	Thầy/Cô cho ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng đạt được sau các bước thực hành				
7	Thầy/cô khuyến khích người học rèn luyện để đạt được kỹ năng nghề nghiệp khác trong lúc giảng dạy				
8	Thầy/Cô có hướng dẫn người học tự học trên lớp và tự học ngoài lớp cụ thể, rõ ràng, hiệu quả				
9	Thầy/Cô hướng dẫn người học phương pháp học tập và làm việc theo nhóm				
10	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá trong suốt buổi học - Hỏi đáp - Giải quyết tình huống - Kiểm tra viết - Không kiểm tra - Khác				
	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá Khác (nếu chọn khác thì ghi rõ nội dung) trong suốt buổi học				

4. Phương pháp sư phạm của giảng viên		Mức độ h: lòng/đồng			
		0	1	2	3
1	Thầy/Cô tổ chức lớp một cách khoa học				
2	Thầy/Cô nói nghe rõ, viết nhìn rõ				
3	Thầy/Cô sử dụng ngôn ngữ phù hợp				

4	Thầy/Cô nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học				
5	Thầy/cô hướng dẫn kịp thời cho người học trong giờ thực hành				
6	Thầy/Cô có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự hợp tác tốt giữa giáo viên- người học				
7	Thầy/Cô quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và kiến thức				
8	Thầy/cô luôn vui vẻ giải đáp thắc mắc của người học trong và sau giờ học				
9	Thầy/Cô quan tâm đến giáo dục tư cách, đạo đức của sinh viên				
10	Giờ học tạo sự hứng thú cho người học				

5. Thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/Cô quản lý hiệu quả sĩ số lớp học trong suốt buổi học					
2	Thầy/Cô Thực hiện giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch					
3	Thầy/Cô phân bố và sử dụng thời gian lên lớp một cách hợp lý và hiệu quả					
4	Thầy/Cô giám sát đánh giá tốt các hoạt động học tập trên lớp của sinh viên					
5	Thầy/Cô đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định (Bắt đầu và kết thúc giờ học).					

Ý kiến khác về hoạt động giảng dạy thực hành thí nghiệm/HLKN của giảng viên

03 Điều mà tôi hài lòng nhất về Thầy/cô này:

.....

03 Điều mà tôi ít hài lòng nhất về Thầy/cô này:

**PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG GIẢNG
DẠY THỰC HÀNH LÂM SÀNG CỦA GIẢNG VIÊN**

1. Phần hướng dẫn của Bộ môn giúp người học chuẩn bị trước buổi học		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy cô có cung cấp tài liệu thực hành chung của môn học, cách thức kiểm tra đánh giá, yêu cầu của từng bài học (đánh giá chung bộ môn)					
2	Tài liệu hướng dẫn Tự học rõ ràng, hữu ích					
3	Sổ tay lâm sàng hiệu quả, hữu ích					
4	Lịch giảng lâm sàng được thông báo chậm nhất 1 tuần (thứ 6 tuần trước)					
5	Lịch giảng lâm sàng có kèm theo trường hợp bệnh					
6	Cách bố trí giờ thực hành và mục tiêu bài học có phù hợp với tình hình thực tiễn tại nơi thực hành					
7	Trang thiết bị, phương tiện dạy học, bệnh nhân.. được chuẩn bị tốt trước khi sinh viên vào học					

2. Nội dung giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/Cô giúp người học biết rõ chuẩn đầu ra của bài học					
2	Nội dung giảng dạy bám sát chuẩn đầu ra của bài					
3	Nội dung giảng dạy được phân bố một cách khoa học, rõ ràng, chính xác					
4	Thầy/cô có hướng dẫn và phân tích các yêu cầu cần đạt, các lỗi thường gặp trong từng bước thực hành					
5	Nội dung giảng dạy có tính cập nhật, hiện đại					
6	Thầy/ Cô có nêu ra được các ứng dụng thực tiễn					

3. Phương pháp giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
------------------------------------------------	--	-------------------------------	--	--	--	--

		0	1	2	3	4
1	Thầy/ Cô giảng dạy dễ hiểu, hấp dẫn, sinh động, trực quan, tạo hứng thú học tập cho người học					
2	Thầy/cô giảng dạy có hướng dẫn và phân tích cụ thể trường hợp bệnh, thao tác mẫu chuẩn, chính xác trong khám và điều trị					
3	Thầy/cô sử dụng có hiệu quả các phương tiện dạy học tại lâm sàng: Powerpoint, tranh ảnh, băng, đĩa, Overhead, Slide, bệnh nhân...					
4	Thầy/ Cô giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, tự học, tự nghiên cứu của người học					
5	Thầy/Cô giải đáp thắc mắc của sinh viên một cách thỏa đáng (trong và sau giờ học)					
6	Thầy/Cô cho ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng đạt được sau các bước thực hành					
7	Thầy/cô khuyến khích người học rèn luyện để đạt được kỹ năng nghề nghiệp khác trong lúc giảng dạy					
8	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá trong suốt buổi học Hỏi đáp Giải quyết tình huống Kiểm tra viết Không kiểm tra khác					
10	Thầy/Cô có hướng dẫn người học tự học trên lớp và tự học ngoài lớp cụ thể, rõ ràng, hiệu quả					
11	Thầy/Cô hướng dẫn người học phương pháp học tập và làm việc theo nhóm					
14	Thầy/Cô sử dụng cách thức đánh giá Khác (nếu chọn khác thì ghi rõ nội dung) trong suốt buổi học					

4. Phương pháp sư phạm của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/Cô tổ chức lớp một cách khoa học					
2	Thầy/Cô nói nghe rõ, viết nhìn rõ					
3	Thầy/Cô sử dụng ngôn ngữ phù hợp					

4	Thầy/Cô nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học				
5	Thầy/cô bao quát được người học trong suốt thời gian học				
6	Thầy/cô hướng dẫn kịp thời cho người học trong giờ thực hành				
7	Thầy/Cô có thái độ thân thiện, tôn trọng lẫn nhau, có sự hợp tác tốt giữa giáo viên- người học				
8	Thầy/Cô quan tâm đến sự tiến bộ của người học cả về kỹ năng, thái độ nghề nghiệp và kiến thức				
9	Thầy/cô luôn vui vẻ giải đáp thắc mắc của người học trong và sau giờ học				
10	Thầy/Cô quan tâm đến giáo dục tư cách, đạo đức của sinh viên				
11	Giờ học tạo sự hứng thú cho người học				

5. Thực hiện quy chế giảng dạy của giảng viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/Cô quản lý hiệu quả sĩ số lớp học trong suốt buổi học					
2	Thầy/Cô Thực hiện giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch					
3	Thầy/Cô phân bố và sử dụng thời gian lên lớp một cách hợp lý và hiệu quả					
4	Thầy/Cô giám sát đánh giá tốt các hoạt động học tập trên lớp của sinh viên					
5	Thầy/Cô đảm bảo đúng giờ giấc và đủ thời gian giảng dạy theo quy định (Bắt đầu và kết thúc giờ học).					

Ý kiến khác về hoạt động giảng dạy thực hành lâm sàng của giảng viên

03 Điều mà Anh/Chị hài lòng nhất về Thầy/Cô này:

.....

03 Điều mà tôi ít hài lòng nhất về Thầy/Cô này:

.....

PHIẾU LẤY Ý KIẾN PHẢN HỒI CỦA NGƯỜI HỌC VỀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ GIẢNG DẠY THỰC HÀNH CỦA KỸ THUẬT VIÊN

1. Chuẩn bị hướng dẫn của kỹ thuật viên	Mức độ hài
------------------------------------------------	-------------------

		lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Giới thiệu hướng dẫn sử dụng phòng thực hành/thí nghiệm, trang thiết bị rõ ràng, dễ hiểu					
2	Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị, máy móc, dụng cụ cho thực hành, thí nghiệm					
3	Chuẩn bị đầy đủ vật tư tiêu hao cho thực hành, thí nghiệm					
4	Bàn giao trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cho người học trước mỗi bài thực hành/thí nghiệm					
5	Nhận trả trang thiết bị, dụng cụ, vật tư từ người học sau mỗi bài thực hành/thí nghiệm					

2. Phương pháp hướng dẫn thao tác, kỹ thuật của kỹ thuật viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Bao quát được người học trong suốt thời gian thực hành/thí nghiệm					
2	Thầy/Cô điều chỉnh thao tác, kỹ thuật theo hướng dẫn của giảng viên: chuẩn, chính xác					
3	Thầy/Cô có ý kiến phản hồi tích cực cho người học về kỹ năng nghề nghiệp đạt được sau các bước thực hành					
4	Thầy/Cô có hướng dẫn/điều chỉnh thao tác người học giúp người học đạt được kỹ năng khi thực hành					

3. Thực hiện quy chế giảng dạy của kỹ thuật viên		Mức độ hài lòng/đồng ý				
		0	1	2	3	4
1	Thầy/cô luôn có mặt để hướng dẫn người học trong giờ thực hành/thí nghiệm					
2	Thầy/cô thực hiện lịch phục vụ giảng dạy theo đúng thời khóa biểu, có thông báo trước khi thay đổi lịch					
3	Thầy/cô nhiệt tình và có trách nhiệm, tổ chức và quản lý lớp một cách khoa học					

4	Thầy/cô có thái độ thân thiện, tôn trọng người học, có sự hợp tác tốt				
5	Thầy/cô có trang phục và hành vi phù hợp				

Ý kiến khác về hoạt động hỗ trợ giảng dạy thực hành của kỹ thuật viên

03 Điều mà tôi hài lòng nhất về Thầy/cô này:

.....

03 Điều mà tôi ít hài lòng nhất về Thầy/cô này:

Phụ lục 2: Kết quả khảo sát chung cho từng cán bộ*

(* Chỉ in báo cáo lãnh đạo Trường và cán bộ quản lý các đơn vị, không ban hành công khai)

Khoa Y

ST T	MSCB	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả %	Xếp loại
GV BỘ MÔN GIẢI PHẪU					
1	00054	Nguyễn Văn Lâm	Lý thuyết	82.75	Tốt
2	00055	Nguyễn Thị Giao Hạ	Lý thuyết	82.74	Tốt
3	00056	Võ Huỳnh Trang	Lý thuyết	78.62	Khá
4	00410	Hoàng Minh Tú	Lý thuyết	82.77	Tốt
5	00411	Phạm Việt Mỹ	Lý thuyết	82.32	Tốt
6	00527	Vũ Tấn Thọ	Lý thuyết	75.00	Khá
			Thực hành	88.92	Tốt
GV BỘ MÔN GIẢI PHẪU BỆNH					
7	00388	Nguyễn Văn Luân	Lý thuyết	85.14	Tốt
GV BỘ MÔN HUYẾT HỌC					
8	00065	Lê Thị Hoàng Mỹ	Thực hành lâm sàng	85.29	Tốt
			Lý thuyết	78.2	Khá
			Thực hành thí nghiệm	81.63	Tốt
9	00396	Nguyễn Long Quốc	Thực hành lâm sàng	79.41	Khá
			Lý thuyết	82.43	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	84.86	Tốt
10	00422	Trương Thị Minh Khang	Thực hành lâm sàng	89.71	Tốt
			Lý thuyết	78.35	Khá
			Thực hành thí nghiệm	80.56	Tốt
GV BỘ MÔN KÝ SINH TRÙNG					
11	00088	Đoàn Văn Quyền	Lý thuyết	83.37	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	93.96	Rất tốt
12	00414	Lê Thị Cẩm Ly	Lý thuyết	79.63	Khá
			Thực hành thí nghiệm	80.14	Tốt
13	00424	Nguyễn Thị Thảo Linh	Lý thuyết	79.41	Khá

			Thực hành thí nghiệm	78.03	Khá
GV BỘ MÔN MÔ PHÔI					
14	00003	Trần Kim Thương	Lý thuyết	84.9	Tốt
15	00125	Hồ Điền	Lý thuyết	84.82	Tốt
16	00044 0	Nguyễn Văn Đồi	Lý thuyết	81.91	Tốt
GV BỘ MÔN NỘI					
17	00094	Nguyễn Thị Diễm	Thực hành lâm sàng	81.98	Tốt
18	00109	Trần Viết An	Thực hành lâm sàng	81.69	Tốt
19	00110	Đoàn Thị Kim Châu	Thực hành lâm sàng	78.93	Khá
20	00113	Nguyễn Như Nghĩa	Thực hành lâm sàng	82.43	Tốt
21	00116	Huỳnh Hiếu Tâm	Thực hành lâm sàng	69.63	Trung bình
22	00117	Phạm Thu Thùy	Thực hành lâm sàng	78.53	Khá
23	00119	Võ Phạm Minh Thư	Thực hành lâm sàng	79.4	Khá
24	00121	Ngô Văn Truyền	Thực hành lâm sàng	84.46	Tốt
25	00134	Thái Thị Hồng Nhung	Thực hành lâm sàng	70.17	Khá
26	00347	Trần Kim Sơn	Thực hành lâm sàng	81.76	Tốt
27	00418	Nguyễn Thị Hồng Trân	Thực hành lâm sàng	80.4	Rất tốt
28	00419	Võ Minh Phương	Thực hành lâm sàng	78.96	Khá
29	00482	Võ Hoàng Nghĩa	Thực hành lâm sàng	78.03	Khá
GV BỘ MÔN SẢN					
32	00097	Dương Mỹ Linh	Thực hành thí nghiệm	77.53	Khá
33	00162	Đoàn Thanh Điền	Thực hành thí nghiệm	86.19	Tốt
34	00165	Lâm Đức Tâm	Thực hành thí nghiệm	72.01	Khá
35	00166	Trương Thị Anh Thi	Thực hành thí nghiệm	81.00	Tốt
36	00168	Nguyễn Quốc Tuấn	Thực hành thí nghiệm	80.84	Rất tốt
37	00169	Huỳnh Thị Uyên Trang	Thực hành thí nghiệm	81.8	Rất tốt
38	00170	Ngũ Quốc Vĩ	Thực hành thí nghiệm	77.33	Khá
39	00179	Quan Kim Phụng	Thực hành thí nghiệm	78.59	Khá
40	00266	Trần Khánh Nga	Thực hành thí nghiệm	75.55	Khá

			Thực hành lâm sàng	50.00	Trung bình
41	00290	Phan Hữu Thúy Nga	Thực hành thí nghiệm	77.00	Khá
42	00426	Võ Châu Quỳnh Anh	Thực hành thí nghiệm	79.28	Khá
43	BSNT 15	Nguyễn Thị Kim Quyên	Thực hành thí nghiệm	75.34	Khá
GV BỘ MÔN SINH HÓA					
44	00386	Trần Thị Thu Thảo	Lý thuyết	78.26	Khá
45	00391	Hà Thị Thảo Mai	Thực hành thí nghiệm	75.2	Khá
46	00416	Trịnh Thị Tâm	Lý thuyết	78.75	Khá
GV BỘ MÔN SINH LÝ					
47	00018	Nguyễn Trung Kiên	Lý thuyết	88.64	Tốt
48	00127	Nguyễn Phan Hải Sâm	Lý thuyết	79.45	Khá
49	00262	Trần Thái Thanh Tâm	Lý thuyết	80.13	Tốt
50	00344	Nguyễn Hồng Hà	Lý thuyết	80.16	Tốt
51	00417	Phạm Hoàng Khánh	Lý thuyết	78.98	Khá
52	00463	Phạm Kiều Anh Thơ	Lý thuyết	81.29	Tốt
GV BỘ MÔN SINH LÝ BỆNH					
53	00067	Trần Ngọc Dung	Lý thuyết	78.81	Khá
54	00070	Đỗ Hoàng Long	Lý thuyết	82.45	Tốt
GV BỘ MÔN VI SINH					
55	00413	Trần Thị Như Lê	Lý thuyết	76.02	Khá
			Thực hành thí nghiệm	78.77	Khá
56	00511	Nguyễn Thị Bé Hai	Lý thuyết	80,03	Tốt
GV BỘ MÔN CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH					
57	00346	Nguyễn Hoàng Thuần	Thực hành thí nghiệm	79.08	Khá
58	00466	Phạm Thị Anh Thư	Thực hành thí nghiệm	76.17	Khá
GV BỘ MÔN DA LIỄU					
59	00191	Huỳnh Văn Bá	Thực hành thí nghiệm	84.72	Tốt
60	00192	Huỳnh Ngọc Liên	Thực hành thí nghiệm	80.64	Tốt
61	00539	Lê Hoàng Sơn	Thực hành thí nghiệm	70.27	Khá
GV BỘ MÔN GÂY MÊ HỒI SỨC					

62	00138	Vũ Văn Kim Long	Lý thuyết	83.31	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	83.25	Tốt
63	00431	Trần Văn Đăng	Lý thuyết	73.37	Khá
			Thực hành thí nghiệm	72.82	Khá
64	00465	Võ Nguyên Hồng Phúc	Lý thuyết	80.99	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	80.11	Tốt
GV BỘ MÔN LAO					
66	00368	Nguyễn Hữu Thuyết	Lý thuyết	86.91	Tốt
GV BỘ MÔN MẮT					
67	00183	Vũ Thị Thu Giang	Lý thuyết	76.76	Khá
			Thực hành thí nghiệm	77.38	Khá
68	00184	Biện Thủy Tiên	Lý thuyết	75.19	Khá
			Thực hành thí nghiệm	76.29	Khá
GV BỘ MÔN NHIỄM					
69	00128	Đặng Thị Bích Phượng	Thực hành lâm sàng	80.73	Tốt
			Lý thuyết	76.15	Khá
70	00310	Lê Công Hành	Thực hành lâm sàng	88.69	Tốt
			Lý thuyết	81.68	Tốt
71	00329	Nguyễn Bùi Thái Huy	Thực hành lâm sàng	80.7	Tốt
72	00542	Nguyễn Tiến An	Thực hành lâm sàng	82.57	Tốt
GV BỘ MÔN PHỤC HỒI CHỨC NĂNG					
73	00151	Nguyễn Dương Hạnh	Thực hành lâm sàng	86.39	Tốt
			Lý thuyết	86.25	Tốt
74	00545	Tôn Chi Nhân	Thực hành lâm sàng	77.24	Khá
GV BỘ MÔN TAI MŨI HỌNG					
75	00246	Nguyễn Triều Việt	Thực hành lâm sàng	68.64	Trung bình
GV BỘ MÔN THẦN KINH					
77	00129	Trần Ngọc Xuân	Lý thuyết	73.41	Khá
			Thực hành lâm sàng	76.7	Khá
78	00130	Lương Thanh Điền	Lý thuyết	72.48	Khá
			Thực hành lâm sàng	70.11	Khá

79	00131	Lê Văn Minh	Lý thuyết	80.8	Tốt
			Thực hành lâm sàng	81.13	Tốt
80	00132	Nguyễn Thị Như Trúc	Lý thuyết	71.81	Khá
			Thực hành lâm sàng	75.9	Khá
81	00528	Nguyễn Hải Hà	Lý thuyết	73.71	Khá
			Thực hành lâm sàng	78.32	Khá
			Thực hành lâm sàng	81.85	Tốt
GV BỘ MÔN UNG BƯỞU					
82	00315	Lê Thanh Vũ	Lý thuyết	75.51	Khá
			Thực hành lâm sàng	76.91	Khá
GV BỘ MÔN Y HỌC GIA ĐÌNH					
83	00038	Thái Thị Ngọc Thúy	Lý thuyết	72.00	Khá
			Thực hành lâm sàng	72.68	Khá
84	00148	Nguyễn Trân Trân	Lý thuyết	69.32	Trung bình
			Thực hành lâm sàng	71.72	Khá
85	00395	Khuru Minh Cảnh	Lý thuyết	72.45	Khá
			Thực hành lâm sàng	72.71	Khá
GV BỘ MÔN Y HỌC CỔ TRUYỀN					
86	00193	Tạ Thanh Tịnh	Lý thuyết	88.59	Tốt
87	00194	Lê Thị Mỹ Tiên	Lý thuyết	80.26	Tốt
			Thực hành lâm sàng	91.71	Rất tốt
88	00204	Nguyễn Ngọc Chi Lan	Lý thuyết	82.2	Tốt
			Thực hành lâm sàng	82.54	Tốt
89	00433	Châu Nhị Vân	Lý thuyết	92.22	Rất tốt
			Thực hành lâm sàng	86.85	Tốt
90	00455	Lê Thị Ngoan	Lý thuyết	88.36	Tốt
			Thực hành lâm sàng	90.49	Rất tốt
GV BỘ MÔN NGOẠI					
91	00529	Võ Quang Huy	Thực hành lâm sàng	77.66	Khá
		TRUNG BÌNH		79.56	Khá

Khoa Răng Hàm Mặt

STT	MSC B	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả %	Xếp loại
GIẢNG VIÊN					
1	00032	Nguyễn Tuyết Nhung	Thực hành thí nghiệm	76.96	Khá
2	00049	Nguyễn Huy Hoàng Trí	Thực hành thí nghiệm	80.61	Tốt
3	00201	Trần Kim Định	Lý thuyết	82.28	Tốt
4	00202	Lê Thị Lợi	Thực hành lâm sàng	75.00	Khá
			Lý thuyết	80.90	Tốt
5	00203	Nguyễn Minh Khởi	Lý thuyết	78.35	Khá
6	00206	Trần Thị Phương Đan	Lý thuyết	80.87	Tốt
7	00207	Biện Thị Bích Ngân	Lý thuyết	78.44	Khá
8	00209	Phan Thùy Ngân	Lý thuyết	76.38	Khá
9	00212	Trương Nhật Khuê	Lý thuyết	84.63	Tốt
10	00214	La Minh Tân	Lý thuyết	77.40	Khá
11	00218	Lê Nguyên Lâm	Lý thuyết	72.71	Khá
12	00219	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Lý thuyết	80.64	Tốt
13	00271	Đỗ Diệp Gia Huân	Lý thuyết	77.59	Khá
14	00274	Lâm Nhật Tân	Lý thuyết	78.55	Khá
15	00275	Nguyễn Phúc Vinh	Lý thuyết	83.92	Tốt
16	00322	Nguyễn Hoàng Nam	Thực hành thí nghiệm	84.58	Tốt
17	00356	Trần Huỳnh Trung	Lý thuyết	71.52	Khá
18	00365	Trần Hà Phương Thảo	Thực hành thí nghiệm	71.52	Khá
19	00506	Lê Như Thúy Quỳnh	Thực hành thí nghiệm	75.55	Khá
TRUNG BÌNH				78.42	Khá
KỸ THUẬT VIÊN					
	00210	Trần Thị Kim Ngọc	Thực hành	72.32	Khá
	00213	Huỳnh Thúy Phương	Thực hành	79.46	Khá
	00215	Lê Minh Thành	Thực hành	71.51	Khá
TRUNG BÌNH				74.43	Tốt

Khoa Y tế công cộng

STT	MSC	Họ và tên	Phương thức giảng	Kết quả	Xếp
-----	-----	-----------	-------------------	---------	-----

	B		dạy	%	loại
1	00009	Dương Phúc Lam	Lý thuyết	78.99	Khá
2	00034	Huỳnh Ngọc Thanh	Lý thuyết	80.41	Tốt
3	00092	Phạm Trung Tín	Lý thuyết	75.29	Khá
4	00237	Lê Minh Hữu	Lý thuyết	80.22	Tốt
5	00238	Châu Liễu Trinh	Lý thuyết	75.94	Khá
6	00239	Lê Thành Tài	Lý thuyết	79.48	Khá
7	00240	Nguyễn Tấn Đạt	Lý thuyết	83.25	Tốt
8	00241	Phan Thị Trung Ngọc	Lý thuyết	77.29	Khá
9	00243	Phan Kim Huệ	Lý thuyết	75.16	Khá
10	00284	Lê Văn Lèo	Lý thuyết	74.33	Khá
11	00406	Trương Thành Nam	Lý thuyết	76.40	Khá
12	00472	Trương Trần Nguyên Thảo	Lý thuyết	72.92	Khá
13	00473	Nguyễn Thị Hiền	Lý thuyết	80.46	Tốt
14	00501	Trần Nguyễn Du	Lý thuyết	79.48	Khá
15	00502	Nguyễn Ngọc Huyền	Lý thuyết	79.06	Khá
TRUNG BÌNH				77.91	Khá

Khoa Điều dưỡng- Kỹ thuật Y học

STT	MSC B	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả (%)	Xếp loại
GV BM ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ NỘI					
1	00078	Nguyễn Thanh Liêm	Lý thuyết	84.89	Tốt
2	00082	Lư Trí Diễm	Lý thuyết	89.17	Tốt
3	00159	Phạm Thị Bé Kiều	Thực hành lâm sàng	76.55	Khá
4	00159	Phạm Thị Bé Kiều	Lý thuyết	67.86	Trung bình
5	00195	Trương Thị Chiêu	Lý thuyết	76.45	Khá
6	00367	Trần Đặng Đăng Khoa	Lý thuyết	86.14	Tốt
7	00369	Huỳnh Văn Lộc	Lý thuyết	80.43	Tốt
8	00476	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Lý thuyết	83.58	Tốt

GV BM ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA HỆ NGOẠI					
9	00111	Lê Kim Tha	Lý thuyết	83.08	Tốt
10	00291	Ngô Thị Dung	Thực hành lâm sàng	80.19	Tốt
11	00368	Nguyễn Hữu Thuyết	Lý thuyết	86.27	Tốt
12	00370	Nguyễn Thanh Quân	Lý thuyết	83.61	Tốt
13	00371	Nguyễn Thị Tố Lan	Lý thuyết	77.29	Khá
14	00372	Nguyễn Trung Hiếu	Lý thuyết	78.32	Khá
15	00477	Bùi Thị Thanh Thúy	Lý thuyết	75.17	Khá
16	00491	Nguyễn Hồng Thiệp	Thực hành lâm sàng	84.58	Tốt
17	00478	Lê Kim Nguyên	Thực hành lâm sàng	78.79	Khá
18	00492	Nguyễn Thị Hồng Nga	Thực hành lâm sàng	77.93	Khá
GV BM ĐIỀU DƯỠNG CƠ BẢN					
19	00104	Dương Thành Nhân	Lý thuyết	86.71	Tốt
20	00154	Lại Văn Nông	Lý thuyết	88.05	Tốt
21	00321	Nguyễn Hồng Thủy	Lý thuyết	75.09	Khá
22	00447	Nguyễn Thị Thanh Trúc	Lý thuyết	77.45	Khá
GV BM XÉT NGHIỆM					
23	00080	Huỳnh Văn Trương	Lý thuyết	85.64	Tốt
24	00081	Trần Đỗ Hùng	Lý thuyết	78.76	Khá
25	00373	Nguyễn Thị Hồng	Lý thuyết	87.52	Tốt
26	00373	Nguyễn Thị Hồng	Thực hành thí nghiệm	86.78	Tốt
27	00533	Trần Phước Thịnh	Lý thuyết	79.52	Khá
GV BM CỘNG ĐỒNG					
28	00483	Nguyễn Thị Thùy Trang	Lý thuyết	81.48	Tốt
		TRUNG BÌNH		81.33	Tốt
Kỹ thuật viên					
29	00285	Nguyễn Thị Xuân Mai	Thực hành	80.34	Tốt
30	00245	Nguyễn Kim Cương	Thực hành	81.71	Tốt
		TRUNG BÌNH		81.71	Tốt

Khoa Dược

ST T	MSC B	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả %	Xếp loại
GV BỘ MÔN DƯỢC LIỆU-DƯỢC CỔ TRUYỀN					
1	00282	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thực hành thí nghiệm	85.49	Tốt
2	00375	Lê Thanh Vĩnh Tuyên	Thực hành thí nghiệm	80.78	Tốt
3	00282	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Lý thuyết	81.91	Tốt
4	00349	Nguyễn Thị Trang Đài	Lý thuyết	80.07	Tốt
5	00350	Thạch Trần Minh Uyên	Lý thuyết	85.08	Tốt
BM DƯỢC LÝ- DƯỢC LÂM SÀNG					
6	00381	Trần Yên Hào	Thực hành thí nghiệm	88.81	Tốt
7	00436	Nguyễn Thắng	Lý thuyết	97.62	Rất tốt
8	00436	Nguyễn Thắng	Thực hành thí nghiệm	81.80	Tốt
9	00208	Cao Thị Kim Hoàng	Lý thuyết	77.78	Khá
10	00208	Cao Thị Kim Hoàng	Thực hành thí nghiệm	76.27	Khá
11	00224	Nguyễn Thị Hạnh	Lý thuyết	75.56	Khá
12	00229	Lê Kim Khánh	Lý thuyết	79.88	Khá
13	00231	Phạm Thành Soul	Lý thuyết	91.24	Rất tốt
14	00231	Phạm Thành Soul	Thực hành thí nghiệm	85.29	Tốt
15	00232	Dương Xuân Chử	Lý thuyết	82.98	Tốt
16	00236	Trần Hoàng Yến	Lý thuyết	83.74	Tốt
17	00377	Nguyễn Hoàng Yến	Lý thuyết	75.72	Khá
18	00444	Trần Duy Khánh	Lý thuyết	77.92	Khá
19	00475	Trần Lê Uyên	Lý thuyết	83.67	Tốt
GV BỘ MÔN HÓA DƯỢC					
20	00221	Phạm Thị Tố Liên	Lý thuyết	89.28	Tốt
21	00374	Huỳnh Trường Hiệp	Thực hành thí nghiệm	80.87	Tốt
22	00437	Võ Thị Mỹ Hương	Lý thuyết	80.69	Tốt
GV BỘ MÔN KIỂM NGHIỆM-HÓA PHÂN TÍCH					
23	00227	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Lý thuyết	85.27	Tốt
24	00327	Dương Thị Trúc Ly	Lý thuyết	78.96	Khá
25	00336	Lữ Thiện Phúc	Thực hành thí nghiệm	82.57	Tốt
26	00336	Lữ Thiện Phúc	Lý thuyết	81.29	Tốt

27	00225	Đỗ Châu Minh Vĩnh Thọ	Lý thuyết	84.72	Tốt
GV BỘ MÔN QUẢN LÝ DƯỢC-CN DƯỢC- BÀO CHẾ					
28	00280	Huỳnh Thị Mỹ Duyên	Lý thuyết	86.38	Tốt
29	00326	Nguyễn Ngọc Nhã Thảo	Lý thuyết	85.26	Tốt
30	00328	Nguyễn Thị Linh Tuyền	Lý thuyết	85.64	Tốt
31	00376	Lê Thị Minh Ngọc	Thực hành thí nghiệm	77.82	Khá
32	00378	Nguyễn Ngọc Thê Trân	Thực hành thí nghiệm	77.76	Khá
33	00378	Nguyễn Ngọc Thê Trân	Lý thuyết	76.93	Khá
34	00380	Trần Thị Tuyết Phụng	Lý thuyết	76.03	Khá
35	00435	Nguyễn Phục Hưng	Lý thuyết	73.65	Khá
36	00380	Lâm Thanh Hùng	Lý thuyết	80.07	Tốt
37	00435	Nguyễn Thị Thu Hiền	Lý thuyết	80.23	Tốt
TRUNG BÌNH				82.03	Tốt
KTV-BỘ MÔN DƯỢC LIỆU-DƯỢC CỔ TRUYỀN					
38	00281	Nguyễn Vũ Phương Lan	Thực hành	76.46	Khá
39	00402	Ngô Thị Kim Hương	Thực hành	80.75	Tốt
KTV-BỘ MÔN DƯỢC LÝ-DƯỢC LÂM SÀNG					
40	00273	Nguyễn Thị Thanh Tâm		73.92	Khá
41	00277	Nguyễn Thị Hoàng Oanh		80.53	Tốt
KTV-BỘ MÔN KIỂM NGHIỆM-HÓA PHÂN TÍCH					
42	00330	Nguyễn Thị Đặng	Thực hành	84.13	Tốt
43	00230	Nguyễn Ngọc Trúc Phương		83.4	Tốt
44	00272	Bùi Thị Soa		81.09	Tốt
45	00505	Đỗ Trung Hiền		80.45	Tốt
KTV-BỘ MÔN QUẢN LÝ DƯỢC-CN DƯỢC					
46	00487	Nguyễn Hữu Nhân	Thực hành	80.20	Tốt
KTV-BỘ MÔN HÓA DƯỢC					
47	00223	Bùi Thị Ngọc Hân		71.83	Khá
48	00278	Lê Việt Hùng		72.63	Khá

TRUNG BÌNH				78.67	Khá
Khoa Khoa học cơ bản					
ST T	MSC B	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả %	Xếp loại
GV BỘ MÔN SINH-DI TRUYỀN					
1	00303	Phạm Thị Ngọc Nga	Lý thuyết	88.88	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	84.58	Tốt
2	00304	Cao Thị Tài Nguyên	Lý thuyết	87.54	Tốt
3	00489	Vũ Thị Nhuận	Lý thuyết	88.48	Tốt
			Thực hành thí nghiệm	80.69	Tốt
4	00353	Đoàn Thị Thùy Trân	Lý thuyết	80	Tốt
GV BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT					
5	00133	Võ Thành Trinh	Thực hành	83.14	Tốt
6	00300	Trương Thị Tuyết Châu	Thực hành	85.64	Tốt
7	00309	Nguyễn Nhật Tường	Thực hành	84.92	Tốt
GV BỘ MÔN HÓA HỌC					
8	00251	Nguyễn Thị Thu Trâm	Lý thuyết	79.12	Khá
9	00252	Hoàng Minh Đăng	Lý thuyết	82.33	Tốt
10	00302	Nguyễn Thanh Giang	Lý thuyết	78.18	Khá
11	00338	Nguyễn Thị Lệ Thu	Lý thuyết	88.80	Tốt
GV BỘ MÔN MÁC-LÊNIN VÀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH					
12	00279	Đình Văn Phương	Lý thuyết	85.92	Tốt
13	00361	Trần Thị Hồng Lê	Lý thuyết	90.35	Rất tốt
14	00448	Lương Thị Hoài Thanh	Lý thuyết	79.26	Khá
GV BỘ MÔN NGOẠI NGỮ					
15	00286	Nguyễn Thị Tuyết Minh	Lý thuyết	79.31	Khá
16	00360	Lê Hà Lan Phương	Lý thuyết	85.42	Tốt
17	00400	Lâm Thị Thủy Tiên	Lý thuyết	79.81	Khá
18	00407	Âu Xuân Sâm	Lý thuyết	82.06	Tốt

19	00438	Ngô Phương Thảo	Lý thuyết	89.58	Tốt
20	00010	Nguyễn Văn Bộ	Lý thuyết	91.08	Rất tốt
21	00011	Phạm Trương Yên Nhi	Lý thuyết	87.36	Tốt
22	00335	Lê Thị Nhân Duyên	Lý thuyết	94.09	Rất tốt
23	00298	Nguyễn Thanh Hùng	Lý thuyết	79.88	Khá
GV BỘ MÔN TIN HỌC					
24	00308	Dương Quốc Thanh	Lý thuyết	80.53	Tốt
25	00307	Trần Thị Bích Phương	Lý thuyết	81.83	Tốt
26	00341	Lê Minh Lợi	Lý thuyết	83.10	Tốt
27	00199	Nguyễn Hoàng Thái	Lý thuyết	82.91	Tốt
28	00025	Lương Thị Minh Thư	Thực hành	86.31	Tốt
29	00028 9	Võ Văn Quyền	Lý thuyết	78.83	Khá
30	00124	Trần Việt Xô	Thực hành	84.62	Tốt
GV BỘ MÔN TOÁN					
31	00250	Trần Trương Ngọc Bích	Lý thuyết	79.44	Khá
32	00253	Đỗ Hồng Diễm	Lý thuyết	79.68	Khá
33	00305	Phan Thị Tuyết Nhung	Lý thuyết	79.45	Khá
GV BỘ MÔN VẬT LÝ-LÝ SINH					
34	00306	Lê Hữu Phước	Lý thuyết	81.78	Tốt
35	00479	Nguyễn Hoàng Mến	Lý thuyết	88.92	Tốt
TRUNG BÌNH				83.89	Tốt
KTV BỘ MÔN HÓA HỌC					
36	00450	Đỗ Thị Cẩm Hồng	Thực hành thí nghiệm	85.53	Tốt
KTV BỘ MÔN SINH DI TRUYỀN					
37	00172	Trịnh Minh Thiết	Thực hành thí nghiệm	87.44	Tốt
KTV BỘ MÔN VẬT LÝ-LÝ SINH					
38	00485	Đinh Ngọc Trường	Thực hành thí nghiệm	82.21	Tốt
TRUNG BÌNH				85.06	Tốt

Đơn vị Huấn luyện kỹ năng

ST T	MSC B	Họ và tên	Phương thức giảng dạy	Kết quả %	Xếp loại
GV CƠ HỮU					
1	00100	Nguyễn Thị ánh Nguyệt	Thực hành thí nghiệm	79.73	Khá
2	00249	Trần Lê Công Trứ	Thực hành thí nghiệm	82.21	Tốt
3	00258	Trần Xuân Quỳnh	Thực hành thí nghiệm	79.85	Khá
4	00520	Bùi Công Minh	Thực hành thí nghiệm	80.03	Tốt
5	00392	Đặng Thanh Hồng	Thực hành thí nghiệm	82.73	Tốt
6	00099	Phạm Thị Mỹ Ngọc	Thực hành thí nghiệm	85.43	Tốt
GV KIỂM NHIỆM					
4	00093	Đoàn Thị Tuyết Ngân	Thực hành thí nghiệm	76.83	Khá
5	00266	Trần Khánh Nga	Thực hành lâm sàng	50.00	Trung bình
6	00266	Trần Khánh Nga	Thực hành thí nghiệm	75.55	Khá
7	00097	Dương Mỹ Linh	Thực hành thí nghiệm	82.79	Tốt
8	00101	Nguyễn Minh Phương	Thực hành thí nghiệm	78.98	Khá
GV KIỂM GIẢNG					
9	00129	Trần Ngọc Xuân	Lý thuyết	73.40	Khá
10	00129	Trần Ngọc Xuân	Thực hành thí nghiệm	76.70	Khá
11	00148	Nguyễn Trân Trân	Lý thuyết	69.32	Trung bình
12	00148	Nguyễn Trân Trân	Thực hành thí nghiệm	71.68	Khá
13	00174	Nguyễn Thị Thu Cúc	Lý thuyết	73.81	Khá
14	00174	Nguyễn Thị Thu Cúc	Thực hành thí nghiệm	78.55	Khá
15	00176	Bùi Quang Nghĩa	Thực hành thí nghiệm	76.08	Khá
16	00179	Quan Kim Phụng	Thực hành thí nghiệm	78.59	Khá
17	00348	Trần Hoàng Duy	Thực hành thí nghiệm	80.30	Tốt
18	00426	Võ Châu Quỳnh Anh	Thực hành thí nghiệm	79.28	Khá
19	00055	Nguyễn Thị Giao Hạ	Thực hành thí nghiệm	75.00	Khá
20	00103	Trần Huỳnh Tuấn	Thực hành thí nghiệm	79.38	Khá
21	00138	Vũ Văn Kim Long	Thực hành thí nghiệm	79.70	Khá
22	00153	Nguyễn Tâm Từ	Thực hành thí nghiệm	79.43	Khá
23	00175	Phan Việt Hưng	Thực hành thí nghiệm	83.48	Tốt

24	00181	Nguyễn Phước Sang	Thực hành thí nghiệm	79.75	Khá
25	00246	Nguyễn Triều Việt	Thực hành thí nghiệm	79.55	Khá
26	00311	Nguyễn Lê Hoan	Thực hành thí nghiệm	78.24	Khá
27	00312	Lê Văn Khoa	Thực hành thí nghiệm	77.66	Khá
28	00354	Chung Hữu Nghị	Thực hành thí nghiệm	84.99	Tốt
29	00399	Đỗ Hội	Thực hành thí nghiệm	83.03	Tốt
30	00425	Lê Vũ Linh	Thực hành thí nghiệm	82.8	Tốt
31	00431	Trần Văn Đăng	Thực hành thí nghiệm	82.65	Tốt
32	00461	Nguyễn Thị Nguyên Thảo	Thực hành thí nghiệm	80.87	Tốt
33	00465	Võ Nguyên Hồng Phúc	Thực hành thí nghiệm	83.5	Tốt
34	00483	Nguyễn Thị Thùy Trang	Thực hành thí nghiệm	81.48	Tốt
35	00528	Nguyễn Hải Hà	Thực hành thí nghiệm	81.85	Tốt
36	BSNT 15	Nguyễn Thị Kim Nguyên	Thực hành thí nghiệm	75.34	Khá
TRUNG BÌNH				78.48	Khá
KTV CƠ HỮU					
37	00102	Tiết Anh Thư	Thực hành thí nghiệm	75.28	Khá
38	00267	Nguyễn Thanh Trường	Thực hành thí nghiệm	71.68	Khá
39	00268	Tô Thị Bích Sơn	Thực hành thí nghiệm	72.95	Khá
TRUNG BÌNH				73.30	Khá